

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2022
V/v “Tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản của nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

2. Ông Đinh Văn Sắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sơn Hà; địa chỉ: Số 2 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th; chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân L. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ – NHNo -PC ngày 27/12/2019 của ông Tiết Văn Th); địa chỉ: Tổ dân HG, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

-Ngân hàng Chính sách xã hội:

Địa chỉ: 169 LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

- Ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr; địa chỉ: Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồng Thị Trạng; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- Người phiên dịch: Ông Đinh Văn Thương; Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN thị trấn DL, huyện S (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn Th sau một thời gian tự tìm hiểu, đã sống chung với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn xây dựng gia đình. Năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh chị vô cớ và đập phá tài sản trong nhà. Gia đình hai bên cũng như các con khuyên nhủ, động viên nhưng anh không thay đổi mà còn uống rượu và chửi mắng đánh chị nhiều hơn. Vào tháng 10 năm 2021, do bị đánh nhiều lần nên chị về phía cha mẹ để sống một thời gian cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đinh Văn Th.

-Về con chung: Chị và anh Th có ba con chung gồm: Đinh Văn H, sinh ngày 30/12/2001; Đinh Văn H1, sinh ngày 29/9/2003 cả hai đều đã trên 18 tuổi, các con đã tự lập không cần nuôi dưỡng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đinh Trung H2, sinh ngày 25/3/2014, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Chị và anh Th quá trình sống chung có tạo lập được một số tài sản gồm: Thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m², (Trong đó đất ở 140m², đất trồng cây hàng năm khác 148m², đất quy hoạch giao thông 39m²) trên đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m², vách xây, lợp tôn Pro xi măng tọa lạc tại Thôn Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014. Trị giá tài sản cả đất và nhà là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng), hiện đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S. Vì đây là chỗ ở duy nhất của bốn mẹ con, nên chị

yêu cầu được sở hữu quản lý sử dụng, đồng ý thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Th là 80.000.000đồng/2 là 40.000.000đồng. Ngoài ra chị và anh Th không có tài sản nào khác.

-Về nợ chung:

-Ngày 15/9/2019 có vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S, theo chương trình hộ cận nghèo là 30.000.000đồng, thời gian vay 5 năm, hạn trả cuối cùng ngày 15/9/2024, lãi suất 7,92%/năm.

-Chị và anh Th có thể chấp tài sản là thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014 cho Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện S để vay số tiền 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng).

- Nợ vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr, trú tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 97.430.000đồng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 chị và anh Th có viết giấy thỏa thuận về việc chia tài sản và nợ chung. Cụ thể như sau: Anh Đinh Văn Th đồng ý giao cho chị 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m² (trong đó đất ở 140m², đất trồng cây hàng năm khác 148m², đất quy hoạch giao thông 39m²) trên đất này có căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014.

Chị có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng sách xã hội – Chi nhánh huyện S là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng); trả cho Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện S số tiền 20.000.000đồng. Trả cho vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr số tiền 97.430.000đồng. (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối với khoản nợ 97.430.000đồng ngày 31/11/2021 ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr, vì chưa đến hạn trả nợ nên có đơn đề nghị Tòa án tách giải quyết vụ án khác khi có yêu cầu. Đồng thời ngày 15/3/2022 chị L có đơn rút một phần đối với yêu cầu về khoản nợ chung này.

-Tại lời khai ngày 10 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đinh Văn Th thống nhất như chị Đinh Thị L trình bày, anh và chị L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do cả hai không có việc làm ổn định, kinh tế thiếu thốn, luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, hai bên không thể ngồi nói chuyện, chia xẻ với nhau, nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có ba con chung gồm Đinh Văn H, sinh ngày 30/12/2001; Đinh Văn H1, sinh ngày 29/9/2003 đã trên 18 tuổi, các con đã tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Đinh Trung H2, sinh ngày 25/3/2014, còn nhỏ cần sự chăm sóc, Nếu chị Lái yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung:

-Anh thống nhất với trình bày của chị L về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được một số tài sản gồm: Thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m² trong đó đất ở 140m², đất trồng cây hàng năm khác 148m², 39m² đất quy hoạch giao thông và trên đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m², vách xây, lợp tôn Pro xi măng tọa lạc tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014. Trị giá tài sản cả đất và nhà là 80.000.000đồng, đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S. Nếu chị L yêu cầu được sở hữu quản lý sử dụng nhà và đất thì phải trả các khoản nợ chung anh đồng ý. Ngoài ra chị và anh Th không có tài sản nào khác.

- Các khoản nợ chung gồm:

-Ngày 15/9/2019 có vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S theo chương trình hộ cận nghèo là 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 5 năm, hạn trả cuối cùng 15/9/2024, lãi suất 7,92%/năm.

-Anh và chị L có thể chấp tài sản là thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014 cho Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện S để vay số tiền 20.000.000đồng.

- Nợ vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr, trú tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 97.430.000đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 31/11/2021 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr thống nhất trình bày:*

Năm 2019 Đinh Văn H1 là con của anh Đinh Văn Th, chị Đinh Thị L gây tai nạn giao thông làm cho con của ông, bà là: Đinh Công M tử vong, tại thời điểm gây tai nạn H1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm bồi thường, Hai bên gia đình đã thỏa thuận anh Th, chị L bồi thường cho phía bị hại là 120.430.000đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng), thời hạn bồi thường là 04 năm, đến ngày 11 tháng 10 năm 2023 phải trả dứt điểm số tiền trên cho phía bị hại, anh Th, chị L đã bồi thường 21.000.000đồng, vừa qua gửi thêm 2.000.000đồng.Tổng cộng là 23.000.000đồng, còn phải bồi thường 97.430.000đồng. Nếu anh Th, chị L không trả hoặc trả không đủ thì vợ chồng ông sẽ khởi kiện một vụ án khác.

- Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội- Chi nhánh huyện Sơn Hà và Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện S, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

-Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Về hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn Th sau một thời gian tự tìm hiểu, đã sống chung với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh chị L vô cớ và đập phá tài sản trong nhà. Do bị đánh nhiều lần nên tháng 10 năm 2021 chị L về phía cha mẹ để sống cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, hôn nhân không có đăng ký kết hôn, vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn Th.

+Về con chung: Có 03 con chung là Đinh Văn H, sinh ngày 30/12/2001; Đinh Văn H1, sinh ngày 29/9/2003 và Đinh Trung H2, sinh ngày 25/3/2014 hiện đang sống chung với chị L. Đối với con chung Đinh Văn H; Đinh Văn H1 các con đã trên 18 tuổi. Đối với cháu Đinh Trung H2 dưới 18 tuổi chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2; anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

+Về tài sản chung: Do nhu cầu cần thiết về chỗ ở của 04 mẹ con nên yêu cầu được nhận Một (01) thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m², (và trên đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m², vách xây, lợp tôn Pro xi măng tọa lạc tại Thôn Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014. Chị L và anh Th đã thống nhất trị giá tài sản nhà và đất là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Giao cho chị L sở hữu quản lý sử dụng đồng thời có trách nhiệm trả các khoản nợ chung cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S là 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng).Ngân hàng Nông nghiệp-Chi nhánh huyện S là 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) và trả cho vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr số tiền 97.430.000đồng.

Đối với số tiền nợ vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu, đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+Về án phí: Chị L là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, miễn tiền án phí cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về loại việc và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn Th là “Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà

không đăng ký kết hôn” bị đơn có nơi cư trú tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

-Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt mà không có người đại diện. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, đối với phần con chung và tài sản chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đinh Văn Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3].Nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn Th sau một thời gian, tự tìm hiểu, đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị L và anh Th đã vi phạm về đăng ký kết hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị L yêu cầu chấm dứt việc nam nữ sống chung như vợ chồng do có nhiều mâu thuẫn, vì mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, chị và anh luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, không tìm được tiếng nói chung và không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn trên. Bên cạnh đó, chị L xác định tình cảm giữa chị với anh Th không còn, nên chị và anh đã tự ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Tại bảng trình bày anh Th xác nhận giữa anh và chị L đã ly thân một thời gian, không còn liên hệ và quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống.

Theo điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000 của Quốc hội quy định: “Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết”. Mặt khác, căn cứ Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con thì giải quyết

theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Chị L và anh Th có 03 người con chung là Đình Văn H, sinh ngày 30/12/2001; Đình Văn H1, sinh ngày 29/9/2003 và Đình Trung H2, sinh ngày 25/3/2014 hiện đang sống chung với chị L. Đối với con chung Đình Văn H; Đình Văn H1 các con đã trên 18 tuổi, không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với cháu Đình Trung H2 dưới 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lái yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2; anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Anh Th thống nhất không có ý kiến gì, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Th thống nhất về tài sản và giá trị gồm: Một (01) thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m², (Trong đó đất ở 140m², đất trồng cây hàng năm khác 148m², đất quy hoạch giao thông 39m²) và trên đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m², vách xây, lợp tôn Pro xi măng tọa lạc tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014. Chị và anh Th thống nhất trị giá tài sản nhà và đất là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Giao cho chị L sở hữu quản lý sử dụng đồng thời có trách nhiệm trả các khoản nợ chung cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện Sơn Hà là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện Sơn Hà là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và trả cho vợ chồng ông Đình Văn M, bà Đình Thị Tr số tiền 97.430.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, ngày 15/3/2022 chị Đình Thị L có đơn xin rút yêu cầu về nợ chung đối với số tiền 97.430.000 đồng trả cho vợ chồng ông Đình Văn M, bà Đình Thị Tr. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị L là tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, có đơn đề nghị chưa giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu về nợ chung trả cho vợ chồng ông Đình Văn M, bà Đình Thị Tr, theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S và Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh huyện S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho người đại diện nhưng vắng mặt, nên không có bản trình bày, không có yêu cầu độc lập. Khi nào khởi kiện yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết một vụ án khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Trung H2, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Đinh Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị L sở hữu quản lý sử dụng thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 327m², (Trong đó đất ở 140m², đất trồng cây hàng năm khác 148m², đất quy hoạch giao thông 39m²) và trên đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m², vách xây, lợp tôn Pro xi măng tọa lạc tại Thôn TL, xã SB, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ sổ “CH” 00171 ngày 13/5/2014. Khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Lái liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật đất đai.

-Chị L có trách nhiệm trả các khoản nợ chung cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S là 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng).Ngân hàng Nông nghiệp-Chi nhánh huyện S là 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) và trả cho vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr số tiền 97.430.000đồng, khi những người này khởi kiện một vụ án dân sự khác.

4. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu về nợ chung trả cho vợ chồng ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị Tr số tiền 97.430.000đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. **Nơi nhân:**

- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã SB;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Thơm